萬能科技大學 114-2 學年度新南向產學合作專班報到對照表(胡志明)

BẢNG ĐỐI CHIẾU NỘP HỒ SƠ BÁO DANH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN BAN QUỐC TẾ HỆ VHVL HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026 TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHKT VẠN NĂNG (TẠI HỒ CHÍ MINH)

☐ (1)「報到同意書」(一式兩聯，需家長簽章) Đơn Đồng ý báo danh (một bản gồm hai liên, cần chữ ký của phụ huynh).

☐ (2)護照正本 ＋ 影印本 Hộ chiếu còn hạn trên 6 tháng BẢN GỐC + bản photo (có ký họ và tên).

☐ (3)辦理簽證申請表 Mẫu đơn xin visa Đài Loan có chữ ký khớp với hộ chiếu, có dán 02 ảnh. ((Ảnh chân dung size 3.5x4.5cm hoặc 4x6cm chụp trong vòng 03 tháng gần nhất, mặt sau ảnh ghi họ tên + ngày tháng năm sinh).

☐ (4)入學通知單正本 ＋ 影印本 Thông báo nhập học BẢN GỐC + bản photo (nhà trường cấp).

☐ (5)畢業證書已認證蓋章影印本 Bằng tốt nghiệp THPT dịch thuật có tem lãnh sự bản photo.
(Thí sinh sinh năm 2007 trở đi cần nộp kèm "Bản cam kết giải trình điểm THPT" + photo bảng điểm học bạ trực tuyến (lớp 10, 11, 12) trích xuất trên hệ thống thông tin của Bộ Giáo dục;
Trường hợp sử dụng bằng tốt nghiệp tạm thời cần chuẩn bị thêm "Giấy xác nhận chưa cấp bằng tốt nghiệp THPT gốc" do trường THPT cấp + "Cam kết sử dụng bằng tốt nghiệp tạm thời" tại trang web tuyển sinh của trường Vạn Năng).

☐ (6)歷年成績單已認證蓋章影印本 Học bạ/bảng điểm THPT dịch thuật có tem lãnh sự bản photo.

☐ (7)財力證明影印本 Sổ tiết kiệm ngân hàng bản photo (nếu đứng tên bố mẹ cần kèm theo giấy khai sinh bản photo) hoặc chứng nhận sao kê số dư tài khoản trong 6 tháng gần nhất bản photo.

☐ (8)華語文能力測驗證書（A1 級以上）影印本 Chứng chỉ TOCFL (cấp độ A1 trở lên) bản photo.

☐ (9)最近三個月內之健康檢查合格證明正本+驗血證明正本+打針證明影印本 Giấy khám sức khỏe có hiệu lực trong vòng 3 tháng BẢN GỐC + xét nhiệm máu BẢN GỐC + phiếu tiêm bản photo.

☐ (10)畢業證書正本 Bằng tốt nghiệp THPT BẢN GỐC.

☐ (11)歷年成績單正本 Học bạ/bảng điểm THPT BẢN GỐC.

☐ (12)畢業證書已認證蓋章正本 Bằng tốt nghiệp THPT dịch thuật có tem lãnh sự BẢN GỐC.

☐ (13)歷年成績單已認證蓋章正本 Học bạ/bảng điểm THPT dịch thuật có tem lãnh sự BẢN GỐC.

☐ (14)財力證明正本 Sổ tiết kiệm ngân hàng BẢN GỐC (nếu đứng tên bố mẹ cần kèm theo giấy khai sinh BẢN GỐC) hoặc chứng nhận sao kê số dư tài khoản trong 6 tháng gần nhất BẢN GỐC.

☐ (15)華語文能力測驗證書（A1 級以上）正本 Chứng chỉ TOCFL (cấp độ A1 trở lên) BẢN GỐC.

☐ (16)最近三個月內之健康檢查合格證明正本+打針證明正本 Giấy khám sức khỏe có hiệu lực trong vòng 3 tháng BẢN GỐC + phiếu tiêm BẢN GỐC.

☐ (17)學習計劃書要簽名正本 Kế hoạch học tập BẢN GỐC (có ký họ và tên giống trên hộ chiếu).

☐ (18)代收簽證費: 一般件：$66 美元 Phí thị thực (gói thường): $66 USD. (Trường hợp sử dụng bằng tốt nghiệp tạm thời phí thị thực là $50 USD).

姓名 Họ tên		**鈔票幣值** Mệnh giá	**鈔票序列號** Số seri	**總金額** Tổng số tiền
出生年月日 Ngày tháng năm sinh				
錄取系所 Ngành trúng tuyển	☐航服系 Khoa quản lý vận tải và dịch vụ hàng không ☐妝品系 Khoa Ứng dụng và Quản lý Mĩ phẩm			
錄取序號 STT trúng tuyển				

繳件人簽名 (Người nộp hồ sơ kí tên):..... **收件員簽名** (Người nhận hồ sơ kí tên):.....

日 期 (Ngày nộp hồ sơ):..... **日 期** (Ngày nhận hồ sơ):.....